

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2022/DS-ST

Ngày 10-8-2022

“V/v Tranh chấp đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Vũ Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thu Phượng; Công tác tại Phòng TNMT huyện.
2. Ông Lý Minh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân Kỳ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Bé Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 12/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐST-TCDS ngày 12 tháng 7 năm 2022, theo quyết định hoãn phiên tòa ngày 28/7/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Đinh Văn T, sinh năm: 1972 (có mặt).

- *Bị đơn:* Đinh Vĩnh C, sinh năm: 1964 (có mặt).

Cùng trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thảo, Trợ giúp viên pháp lý của Trung T trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hà Thị T, vợ ông T; (có mặt)
2. Bà Đặng Thị T, vợ ông C(có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Những người làm chứng:

1. Bà Đinh Thị T; (vắng mặt)

2. Ông Đinh Văn C; (vắng mặt)
3. Ông Tô Văn H; (vắng mặt)
4. Ông Đinh Ngọc T; (vắng mặt)
5. Bà Đinh Thị T; (vắng mặt)
6. Bà Đinh Thị K; (vắng mặt)
7. Ông Đinh Văn S; (vắng mặt)
8. Bà Nông Thị A; (có mặt)

Cùng trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

9. Ông Đinh Xuân D, trú tại Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng (có mặt).

* Đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ: Bà Nông Thị Hoa, cán bộ Ban quản lý rừng phòng hộ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Gia đình tôi có 01 mảnh đất đồi canh tác trồng Quế, trồng Hồi từ năm 1987 đến nay, nằm ở thửa đất số 154 tờ bản đồ số 01 có diện tích khoảng 1.500m² tiếp giáp với thửa đất 208 mà gia đình ông tôi đã được nhà nước giao; Nguồn gốc của thửa đất tranh chấp này là do bố mẹ tôi là ông Đinh Văn N và bà Đinh Thị M khai hoang từ năm 1987. Đến năm 1994 nhà nước giao đất, giao rừng gia đình tiếp tục nhận lô đất này và trồng xen kẽ cây Hồi, Mỡ, Quế chưa bỏ hoang năm nào; Gia đình tôi thường xuyên canh tác ổn định trên mảnh đất tranh chấp này.

Ngày 27/4/2020, gia đình ông Đinh Vĩnh C trú tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng đã có hành vi khai thác Quế, Hồi của gia đình tôi; ngày 29/4/2020, gia đình ông C tiếp tục có hành vi khai thác Quế của gia đình tôi. Sự việc này đã được Ủy ban nhân dân xã Đức Long tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Vĩnh C chấm dứt hành vi lấn chiếm, khai thác cây (Quế, Hồi...) trên phần đất mà gia đình tôi đang canh tác, quản lý và sử dụng. Tại phiên Tòa nguyên đơn ông Đinh Văn T không yêu cầu ông Đinh Vĩnh C bồi thường số cây Quế, Hồi mà ông C đã khai thác của gia đình.

* Bị đơn Ông Đinh Vĩnh C trình bày: Tôi khẳng định lô đất 154 tờ bản đồ số 01 (Tộc khu vườn đồi) họ hàng, tổ tiên chúng tôi đã canh tác và sử dụng từ rất lâu (khoảng 7-8 đời nay) bởi:

- Phần dưới của khu đất là khu mộ, nhiều ngôi mộ đã có tuổi đời rất lâu;

- Phần trên của khu đất: Các cụ, kị trồng các loại cây lâu năm như Chè, Hối, Quế. hiện nay nhiều cây còn sống có đường kính từ 40-50cm nhiều cây đã đổ, ngã và chết.

- Các cụ đi làm xa sợ con cháu không nhớ về quê hương đất tổ nên các cụ đặt tên cho con cháu vào địa danh là Đông, Pài (tức là tên ông Đông, ông Pài). Đó là địa danh khu Nà Pài hiện nay. Lúc các ông qua đời, gia đình tôi còn gửi nắm đất, lấy nước ở khu đó vào để chôn cất cùng.

- Mọi năm,, mừng 3 tháng 3 âm lịch gia đình, họ hàng nhà tôi từ miền Bắc đến Miền Nam, vẫn về quê hương cội nguồn để tảo mộ, và các ông bà cũng chỉ cho chúng tôi biết khu đất tổ để quản lý, sử dụng.

Họ hàng tôi đông người thoát ly đi làm ăn nhiều nơi, cho nên khu đất này họ hàng giao cho gia đình anh em chúng tôi đang sống ở quê hương quản lý và sử dụng. Phần đất đang tranh chấp trước năm 1980- 1981 tôi vẫn thường theo ông bà, mẹ và anh trai, chị dâu đi phát cỏ, chăm sóc và bảo vệ. Năm 1980- 1981 thời kỳ khó khăn, gia đình tôi đã phát quang và trồng nương, sau thì trồng sắn, khi không trồng sắn nữa, tôi đi nhổ cây quế, và cây hồi con ở trong vườn để trồng, về sau nhà nước có cấp thêm cây hồi và cây mỡ, tôi tiếp tục trồng vào. Từ năm 1982 đến nay, vì nhà tôi cách xa khu đất, tôi vẫn chăm sóc nhưng không được thường xuyên, hiện tại thì các cây Quế, cây Hồi và cây mỡ đều có thể T hoạch. Mà ông T thì có mảnh đất 208 ở giáp ranh, ông lấn chiếm qua mảnh đất của tôi hơn 1.500m² ông tự nhận là đất của ông và do ông trồng. Tôi và mẹ tôi đã nhiều lần nói với gia đình ông T rằng không được phát qua đất của tôi nữa, nhưng ông N (bố ông T) có trả lời rằng “Tao còn lấy hết nữa”.

Tôi khẳng định rõ ràng như sau:

- Khu đất này tôi và gia đình vẫn quản lý và sử dụng nhiều đời nay;

- Các loại cây Hồi, Quế trên phần đất này là do gia đình chúng tôi vun trồng và chăm sóc. Tại phiên Hòa giải ngày 28/12/2021 ông C và bà T có ý kiến:

- Về đất: Không nhất trí để gia đình ông T Canh Tác vì đất là của tổ tiên gia đình ông C;

- Về cây: Gia đình ông T cũng đã được trồng cây nên tôi (C) nhất trí chia đôi số cây hiện tại được trồng trên đất (diện tích đang tranh chấp) và theo phương án tôi sẽ thanh toán giá trị nửa vườn cây còn lại cho gia đình ông T. Tại phiên Tòa ông C và bà T đã khẳng định cây trên thửa đất tranh chấp là do ông N và gia đình ông T trồng, nhưng ông C và bà T (vợ ông C) vẫn yêu cầu được quyền quản lý sử dụng phần đất với lý do là đất của tổ tiên để lại, đất tâm linh.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T trình bày: Quan điểm về vấn đề tranh chấp hoàn toàn thống nhất với ý kiến của nguyên đơn là Đinh Văn T (chồng tôi) về quá trình quản lý sử dụng đất, quá trình canh tác trên đất như chồng tôi đã khai tại các buổi làm việc và tại phiên tòa hôm nay tôi hoàn toàn đồng ý, ý kiến của ông T cũng là ý kiến của tôi.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T trình bày: Bà T cùng ông C trong cả giai đoạn tố tụng lời khai bổ sung cho nhau, lời khai của ông C và bà T là một.

* Theo thực tế xem xét thẩm định tại chỗ thì: Phần đất tranh chấp có diện tích theo GPS đo được 1.486,45m² nằm trong Thửa đất số 154 tờ bản đồ 01 diện tích 195.241m² đất này UBND xã Đức Long đang quản lý; có ranh giới rõ ràng đặc biệt là ranh giới có 06 cây hồi đường kính khoảng 40cm là ranh giới giữa thửa 154 với phần đất tranh chấp là hướng Nam; hướng Tây là đường mòn đi đến thửa 208; Phía Bắc tiếp giáp với thửa 208 là thửa đã có giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ ông T; Phía Đông là nương nước (tự nhiên) và đường mòn phân cách với thửa đất cấp cho hộ ông Đình Văn Q và phần đất tranh chấp; Trên thửa đất tranh chấp có các loại cây Quế, Hồi, Sờ, Chè mật độ cây rất dày khoảng 01m/cây. Phần đất còn lại của thửa 154 thì ngược lại, chủ yếu là cây bụi mọc tự nhiên, không có dấu hiệu của sự canh tác, có lác đác ít cây Hồi và Quế.

* Ý kiến của Người bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo có ý kiến: Thửa đất tranh chấp đã được gia đình ông T quản lý, canh tác từ năm 1987, quản lý, sử dụng liên tục không tranh chấp, đến tháng 3/2020 mới xảy ra tranh chấp, quá trình quản lý, sử dụng liên tục hơn 30 năm. Tại phiên Tòa ông C bà T cũng thừa nhận việc ông N có trồng cây trên phần đất này, và các lời khai của tất cả những người làm chứng đều thừa nhận việc ông Nhân có phát hoang và canh tác trên thửa đất tranh chấp này. Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 100, 166 Luật đất đai 2013; Điều 163, 164, 169, 236 Bộ luật dân sự năm 2013 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do tại phiên tòa nguyên đơn rút phần yêu cầu bồi thường về cây.

* Theo công văn 147/UBND- TNMT ngày 29/12/2021 thì: - Thửa đất 154 tờ bản đồ số 01 diện tích 184.726m² (trong đó có 1.486,50m² đất đang tranh chấp giữa ông Đình Văn T và ông Đình Vĩnh C) theo hồ sơ địa chính là thửa đất đồi núi chưa sử dụng, chưa được UBND huyện thực hiện thủ tục giao đất cho tổ chức, hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng. Thửa đất từ trước thời điểm tranh chấp đến năm 2020 chưa được hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đăng ký, kê khai cấp GCNQSDĐ do vậy, Tộc UBND xã Đức Long quản lý, theo bản đồ đất rừng năm 2006.

- Phần đất tranh chấp trong Thửa đất 154 ông C khai là đất tổ tiên, đất khu mộ, UBND không có ý kiến xác nhận vì ông C chưa cung cấp hồ sơ quan chuyên môn các giấy tờ đất đai của khu mộ do tổ tiên ông, cha để lại cho ông C.

* Đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ trình bày: Năm 2000 gia đình có nhận 100 cây Hồi theo diện trồng phân tán, không nắm được vị trí người dân trồng (ông C); Năm 2010 theo bản đồ Thiết kế, khoanh nuôi, bảo vệ trồng rừng ông C được nhận 400 cây Quế và 400 cây Mỡ thì cây này là được giao trồng trên đất đã được nhà nước giao đất bản đồ không thể hiện là ở mảnh 154.

* Những người có đơn xác nhận và được Hội đồng xét xử triệu tập có mặt tại phiên tòa ngày hôm nay:

- Bà Đinh Thị K khai phần đất tranh chấp này trước đây ông Tô Văn H làm rẫy, sau khi ông H chuyển đi Miền Nam đất bỏ hoang, rậm rạp thì ông N (bố ông Q) mới phát để trồng Quế, không nhớ rõ năm nào.

- Ông Đinh Văn C khai rằng: Ngày trước ông H làm rẫy sau đó ông H đi Miền Nam đất rậm rạp sau đó thì ông N mới phát để trồng Quế, Hồi...nhưng không nhớ rõ năm nào.

- Ông Đinh Văn S khai: Ngày trước vườn Hồi nhà ông C ở phân đông trên mộ của dòng họ nhà ông C lên cao đến ngang phần đất trồng Quế, Hồi nhà ông Đinh Văn Q, còn đông bên khóm Mai nhà ông Đinh Văn T không có Hồi, ông Nhân bố ông T trồng Quế, Hồi tại khu đất đang tranh chấp.

- Bà Đinh Thị T (mẹ đẻ ông C) khai phần đất tranh chấp này trước đây mẹ của ông T có xin để trồng Màu, sau đó gia đình ông T đã tự ý trồng cây Quế, Hồi lên phần đất đó.

- Ông Đinh Ngọc T (có thời gian làm địa chính từ những năm 1993 đến khi có địa chính chính quy về) khai rằng Cả quả đồi có cây Hồi được tổ tiên ông C trồng từ thời pháp Tộc, đến thời kỳ Hợp tác xã thì các hộ dân trong thôn khai hoang để tăng gia còn có một số cây hồi cỏ thụ các hộ dân phát hoang, đốt cỏ đã làm chết hết những cây hồi này, tôi không thấy gia đình ông C trồng mới trên quả đồi kia.

- Ông Tô Văn H có giấy xác nhận do bà T, ông C nộp xác nhận việc ông C được trồng năm 2010 cây Quế và cây Mỡ là trồng ở thửa 154; tại biên bản Tòa án lấy lời khai ông H khai khu đất này từ thời cụ, kỵ nhà ông C trồng Hồi, sau năm 1979 chạy tẩu về thì người dân trong thôn mỗi hộ phát một đám để trồng màu, không nắm rõ ai là người trồng cây, quản lý canh tác trên khu đất hiện đang tranh chấp giữa hai hộ gia đình.

- Ông Đinh Xuân D: Đất trước là cây ông cụ, kỵ ông C trồng Hồi, bố mẹ của ông T có phát hoang để canh tác.

- Bà Đinh Thị T khai đất khu vườn đồi Nà Pài là khu đất của dòng họ ông C, có mồ mả và các cây lâu năm.

- Bà Nông Thị A có đất giáp với phần đất tranh chấp của ông T với ông C tại phiên Tòa khai bà được thấy ông N phát và trồng cây Hồi, Quế...không thấy gia đình ông C canh tác lần nào.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý xác định quan hệ “*Tranh chấp đất đai*” Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án là đúng với quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39, quá trình giải quyết, xây dựng hồ sơ đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị

đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của bị đơn. Công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Đinh Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi khai thác cây trên phần đất mà nguyên đơn và gia đình nguyên đơn đã trồng, và yêu cầu bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số cây bị đơn đã chặt của nguyên đơn, tại phiên Tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu xem xét bồi thường về cây mà bị đơn đã chặt. Do đó, xác định đây là vụ án tranh chấp đất đai; Tranh chấp Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án xác định tư cách tham gia tố tụng như sau: Theo đơn khởi kiện thì ông Đinh Văn T là người khởi kiện đối với hành vi chặt cây trên phần đất của gia đình mình canh tác. Nên xác định ông T là nguyên đơn, ông Đinh Vĩnh C là bị đơn, bà Hà Thị T (vợ ông T) và bà Đặng Thị T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, xác định vụ án này có liên quan đến quá trình quản lý, việc trồng cây trên đất nên cho mời Ban quản lý rừng phòng hộ tham gia tố tụng để làm sáng tỏ nội dung của vụ án.

[1.3] Theo đơn xin hoãn phiên tòa của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 10/8/2022, Trước khi mở phiên Tòa có liên hệ được với ban quản lý rừng phòng hộ để làm rõ vấn đề chứng minh cho việc trồng cây của công dân nên Ban quản lý đã cử cán bộ là Nông Thị Hoa để tham gia phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến về việc bà Nông Thị Hoa tham gia phiên tòa hôm nay.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc đất, quá trình dịch chuyển quyền sử dụng đất của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Đinh Văn T trình bày là đất từ việc bố mẹ ông khai hoang từ những năm 1987 bố mẹ ông và vợ chồng ông cùng canh tác liên tục không có sự tranh chấp cho đến năm 2020 thì ông C lên chặt cây mới xảy ra tranh chấp;

[2.2] Về nguồn gốc đất, quá trình quản lý sử dụng đất của bị đơn:

Ông Đinh Vĩnh C và bà Đặng Thị T khai rằng đất là đất của tổ tiên để lại, tuy nhiên không có giấy tờ, chứng cứ chứng minh cho việc đất này đã được giao cho hộ gia đình nhà ông bà, Tại phiên Tòa ông C, bà T đã thừa nhận việc ông

Nhân và vợ chồng ông Trồng cây trên phần đất này nhưng do đất là của tổ tiên nên ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết đất cho gia đình ông bà.

[2.3] Nhận định của HĐXX: Về phần đất tranh chấp, theo như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, lời khai của các nhân chứng, kết quả tranh luận tại phiên tòa và Công văn trả lời của UBND huyện Thạch An, có đủ căn cứ để xác định việc hộ ông Đinh Văn T và bà Hà Thị T có quá trình quản lý, sử dụng liên tục trên 30 năm, diện tích đất tranh chấp có ranh giới rõ ràng nên cần phải bảo vệ yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu xem xét bồi thường cây do bị đơn đã chặt nên HĐXX không xem xét về phần này.

- Bị đơn ông Đinh Vĩnh C khai rằng đất là do thừa kế của tổ tiên để lại nhưng không có chứng cứ để chứng minh cho vấn đề này, ông thừa nhận việc ông N (bố ông T) và ông T trồng cây trên phần đất đang tranh chấp này, ông cho rằng phần đất này Tộc thừa đất 154 là đất khu mộ của dòng họ ông nhưng diện tích của thửa đất 154 này là quá lớn $184.726m^2$ và khu mộ rất xa khu vực, không có tài liệu chứng minh cho thửa đất 154 này là của gia đình ông Đinh Vĩnh C (đất vẫn Thuộc UBND xã Đức Long, huyện Thạch An quản lý) tranh chấp nên yêu cầu của ông không có căn cứ để bảo vệ.

Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 2.230.000đ (Hai triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) do yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí này.

[3] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó, bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.230.000đ (Hai triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng). Nguyên đơn đã nộp chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ nên bị đơn phải trả lại chi phí này cho nguyên đơn.

[4] Về án phí: Yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 101, 166, 51 Luật đất đai 2013; Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 163, 164, 169, 236 Bộ luật dân sự 2015. Điều 147; 157; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đinh Văn T, ông Đinh Văn T được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tranh chấp, theo đo đạc thẩm định tại chỗ là $1.486,45m^2$ nằm trong thửa đất ố 154 tờ bản đồ số 01, diện tích

184.726,0m² (theo bản đồ đất rừng năm 2006), Thuộc xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có tứ cận như sau:

- Phía Đông, là nương nước tự nhiên và đường mòn phân cách giữa phần đất này và đất hộ ông Đinh Văn Q.
- Phía Tây, giáp với đường mòn đi vào thửa 208 cấp cho hộ ông Đinh Văn T.
- Phía Bắc, giáp thửa đất 208 cấp cho hộ ông Đinh Văn T.
- Phía Nam, tiếp giáp với phần còn lại của thửa đất 154 tờ bản đồ 01 bản đồ lâm nghiệp xã Đức Long

2. Chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.230.000đ (Hai triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng) ông Đinh Vĩnh C phải chịu chi phí này. Ông Đinh Văn T đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ. Buộc ông Đinh Vĩnh C phải trả lại cho ông Đinh Văn T số tiền 2.230.000 (Hai triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Ông Đinh Vĩnh C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đinh Văn T được hoàn lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai AA/2016/0000716 ngày 28/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 10/08/2022).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Thạch An;
- Chi cục THA dân sự huyện Thạch An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phan Vũ Hoàng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT
XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lý Minh Giang Đặng T Phụng

Phan Vũ Hoàng

